

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HC-PT
Ngày 24 tháng 11 năm 2020

V/v kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn
Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê C; địa chỉ: Thôn 3, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Y, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020; có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1) Ông Nguyễn Xuân T và (2) bà Huỳnh Thị Thu H; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T: Bà Huỳnh Thị Thu H (văn bản ủy quyền ngày 20/5/2020; có đơn xin xét xử vắng mặt).

(3) Ông Trương Xuân S và (4) bà Hoàng Thị T; cùng địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

(5) Bà Phạm Thị Bích N; địa chỉ: Thôn 3, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (là vợ ông Lê C).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Bích N: Ông Lê C (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020; có đơn xin xét xử vắng mặt).

(6) Ngân hàng X Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X Việt Nam: Ông Phạm N Anh, Phó Trưởng phòng Phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh huyện K (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020; có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh huyện K (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê C trình bày:

Thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.385,4 m² tại Buôn Y, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do ông Lê C khai hoang từ năm 1996 và sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp. Năm 2018, ông Lê C kê khai thửa đất nêu trên để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất và làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trương Xuân S, bà Hoàng Thị T thì được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện K thông báo là Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K đã cấp GCNQSD đất số BS 142405 ngày 04/9/2014 cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất nêu trên. Vì vậy, ông Lê C khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án huỷ GCNQSD đất số BS 142405 do UBND huyện K cấp ngày 04/9/2014 cho vợ chồng Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ 39 xã Y.

2. Ý kiến của người bị kiện:

Năm 2013, UBND huyện K tổ chức thực hiện việc cấp GCNQSD đất lần đầu cho các hộ gia đình có đất tại thôn 1, xã Y, huyện K. Hộ gia đình ông Nguyễn Xuân T đăng ký kê khai nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.385,4 m² tại buôn Y, xã Y, huyện K. Trong quá trình tổ chức cho người dân nhận diện các thửa đất, trên tờ bản đồ địa chính số 39, do thửa đất số 711 của gia đình ông Lê C nằm liền kề với các thửa đất của gia đình ông T nên ông T đã đăng ký kê khai thửa đất số 711 là của mình. Do hồ sơ đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất quá nhiều nên Hội đồng xét duyệt của UBND xã Y không nhận biết được thửa đất số 711 mà ông T kê khai, đăng ký nhưng thực tế gia đình ông C đang quản lý sử dụng.

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Y và kết quả kiểm tra, thẩm định hồ sơ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 22/11/2013 UBND huyện K ban hành Quyết định số 4500/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho 77 hộ gia đình

có đất tại thôn 1, xã Y, trong đó có gia đình ông Nguyễn Xuân T. Ngày 04/9/2014, UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BS 142405 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39. Việc ông Lê C khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ GCNQSD đất nêu trên, UBND huyện K đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Bích N trình bày: Bà là vợ ông Lê C, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.

3.2. Ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Thu H trình bày: Quyền sử dụng đất thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39 tại buôn Y, xã Y, huyện K là của gia đình ông Lê C; vợ chồng ông bà chưa bao giờ sử dụng thửa đất nêu trên. Năm 2013, vợ chồng ông bà kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSD đất đối với nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 711. Vợ chồng ông bà không biết lý do gì mà UBND huyện cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông bà đối với thửa đất số 711. Hiện tại vợ chồng ông bà đang thế chấp thửa đất số 711 cho Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K để vay tiền. Việc ông Lê C khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ GCNQSD đất đối với thửa đất số 711, vợ chồng ông bà yêu cầu Toà án giải quyết theo pháp luật.

3.3. Ông Trương Xuân S và bà Hoàng Thị T trình bày: Ngày 10/4/2017, ông Lê C chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39 tại buôn Y, xã Y, huyện K. Năm 2018, vợ chồng ông bà cùng với ông C làm thủ tục kê khai, đăng ký thửa đất nêu trên thì được biết UBND huyện K đã cấp GCNQSD đất cho ông T và bà H đối với thửa đất này nên hai bên chưa thực hiện được thủ tục chuyển nhượng thửa đất. Vì vậy, vợ chồng ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê C.

3.4. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K trình bày: Ngày 22/01/2016, ông Nguyễn Xuân T và bà Huỳnh Thị Thu H thế chấp cho Ngân hàng nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39 tại buôn Y, xã Y, huyện K để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền đã vay 500.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng ông T chưa thanh xong cho Ngân hàng khoản tiền đã vay. Việc ông Lê C khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ GCNQSD đất đối với thửa đất số 711, Ngân hàng đề nghị Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; các điểm b, e mục I chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính; khoản 2 Điều 30 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS

142405 do UBND huyện K cấp ngày 04/9/2014 cho ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, tại Buôn Y, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm, xử lý tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 10/9/2020, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án vì cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy GCNQSD đất của vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đang thế chấp tại Ngân hàng là không triệt để, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng đã có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê C là có cơ sở, đúng pháp luật. Việc Ngân hàng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy GCNQSD đất của vợ chồng ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng chưa xem xét, giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy GCNQSD đất là không triệt để, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên đây là hợp đồng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất trình bày:

Thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, diện tích 10.385,4 m² tại buôn Y, xã Y, huyện K có nguồn gốc do ông Lê C khai hoang từ năm 1996 và sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Trong đợt địa phương tổ chức cho các hộ dân kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 2013, vợ chồng ông T bà H đã kê khai đăng ký đề nghị cấp GCNQSD đất lần đầu đối với nhiều thửa đất của gia đình, trong đó có thửa đất số 711 và đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số BS 142405 ngày 04/9/2014 cho ông T bà H đối với thửa đất này. Ông T bà H xác định thửa đất số 711 là của gia đình ông Lê C quản lý, sử dụng; ông bà chưa bao giờ sử dụng thửa đất này và cũng không biết việc UBND huyện K đã cấp nhằm GCNQSD đất đối với thửa đất này cho ông bà. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Năm 2013, khi UBND huyện K tổ chức việc cấp GCNQSD đất lần đầu cho các hộ gia đình tại xã Y đã không kiểm tra hiện trạng sử dụng đất dẫn đến cấp nhằm thửa đất số 711, tờ bản đồ 39 nêu trên cho vợ chồng ông T, bà H là không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C, tuyên hủy GCNQSD số BS 142405 của UBND huyện K cấp ngày 04/9/2014 cho ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, tại Buôn Y, xã Y, huyện K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh huyện K thì thấy:

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T bà H thừa nhận việc ngày 22/01/2016, ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng nhiều thửa đất, trong đó có thửa đất số 711 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền đã vay 500.000.000 đồng và hiện tại vợ chồng ông bà chưa thanh xong cho Ngân hàng khoản tiền đã vay.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh huyện K đều trình bày: Khi vay vốn tại Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K thì hộ ông T bà H thế chấp 07 GCNQSD đất số BS 145473, BS 142403, BS 142404, BS 142405 BS 145474 BY 665936, BY 665937. Trong đó bao gồm 01 GCNQSD đất số BS 142405 đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ 39, diện tích 10.385,4 m² tại thôn Y, xã Y. Khi thế chấp, Ngân hàng không biết GCNQSD đất số BS 142405 đối với thửa đất số 711 không thuộc đất của hộ ông T bà H; hiện nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông T bà H chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên hiện GCNQSD đất đối với thửa đất số 711 vẫn do Ngân hàng quản lý. Về yêu cầu của người khởi kiện hủy GCNQSD đất đối với thửa đất số 711 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K vào tham gia tố tụng với tư cách là “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K đã có ý kiến về việc giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cũng có mặt để tham gia tranh tụng. Nội dung ý kiến và tranh tụng của đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất số BS 142405 của người khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của ngân hàng mà không đưa ra bất cứ một yêu cầu độc lập cụ thể nào. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và ý kiến của đại diện ngân hàng thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy GCNQSD đất số BS 142405 là có căn cứ, đúng pháp luật nhưng không nhận định việc vợ chồng ông T bà H đã thế chấp GCNQSD đất này để vay tiền tại ngân hàng là có thiếu sót trong việc xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án. Tuy nhiên, sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án và cũng không phải là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, mà chỉ yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Do đó, kháng cáo của Ngân hàng X Việt Nam - Chi nhánh K yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của người kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không kiến nghị về việc xử lý các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 206, 207 của Luật Đất đai đối với hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính khi lập hồ sơ, thẩm định, cấp GCNQSD đất cho ông T bà H. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 209 của Luật Đất đai năm 2013 đã có quy định cụ thể về việc tiếp nhận và xử lý trách nhiệm của thủ trưởng, công chức, viên chức trong việc vi phạm trình tự thực hiện các thủ tục hành chính. Do đó, người kháng cáo căn cứ vào quy định này để thực hiện quyền của mình gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 49, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; các điểm b, e mục I chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính; khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1.1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 142405 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 04/9/2014 cho ông Nguyễn Xuân T, bà Huỳnh Thị Thu H đối với thửa đất số 711, tờ bản đồ số 39, tại Buôn Y, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; ông Lê C không phải chịu và được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008498 ngày 21/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015475 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/11/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền